

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST.

Ngày: 06/6/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Suốt.

2. Bà Võ Thị Vịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 02 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1993 – Đại diện Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ Hộ kinh doanh: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Diễm M1, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 383/226, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1976 (có mặt).

2/ Bà Trương Thị M2, sinh năm 1975.

Bà Trương Thị M2 ủy quyền cho ông Huỳnh Văn H (theo giấy ủy quyền ngày 04/6/2019)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị Diễm M1 trình bày: Vào khoảng tháng 08/2017, hộ kinh doanh T do bà Phan Thị Ngọc D đại diện có thỏa thuận bằng lời nói mua bán các loại thức ăn và thuốc thủy sản với ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2. Hai bên thỏa thuận, hộ kinh doanh T sẽ cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản cho ông H và bà M2, khi giao hàng thì phía ông H và bà M2 sẽ ký nhận

vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng bà D sẽ gửi bảng đối chiếu công nợ cho ông H và bà M2 kiểm tra và ký xác nhận. Thỏa thuận thời gian thanh toán là cuối mỗi vụ tôm. Bà D đã cung cấp hàng hóa cho ông H và bà M2 theo như thỏa thuận, khi nhận hàng ông H và bà M2 đều ký vào sổ theo dõi. Trong quá trình hợp đồng mua bán thì ông H, bà M2 nợ tổng số tiền 196.099.000 đồng. Đến tháng 12/2017 ông H, bà M2 có trả được 30.000.000 đồng thì ngưng, không tiếp tục thanh toán đầy đủ tiền mua hàng hóa cho bà D như thỏa thuận. Tại biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tháng 09/2018 thì ông H ký nhận còn nợ tổng số tiền 166.099.000 đồng. Bà D đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà M2 thanh toán nhưng ông H và bà M2 vẫn không trả nợ cho bà D.

Nay bà Phan Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 trả cho bà số tiền nợ mua bán là 166.099.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/6/2019 là 11 tháng 11 ngày, với số tiền lãi là 15.658.137 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 181.757.137 đồng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2019 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị M2 là ông Huỳnh Văn H trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, từ tháng 08/2017 ông H và vợ là bà Trương Thị M2 có mua thức ăn và thuốc thủy sản của hộ kinh doanh T, do bà Phan Thị Ngọc D đại diện hộ kinh doanh, ông H và bà M2 có nợ tổng số tiền 196.099.000 đồng. Vào tháng 12/2017 ông H và bà M2 đã trả cho bà D được 30.000.000 đồng. Đến tháng 9/2018 ông H có ký đối chiếu xác nhận công nợ với hộ kinh doanh T, số tiền nợ còn lại là 166.099.000 đồng. Ông H đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán mà phía nguyên đơn yêu cầu 10%/năm, tính từ ngày 25/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 06/6/2019 là 11 tháng 11 ngày với số tiền lãi là 15.658.137 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi hiện nay ông và bà M2 còn nợ là 181.757.137 đồng.

Nay ông H đồng ý cùng bà M2 trả cho bà Phan Thị Ngọc D tổng số tiền 181.757.137 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 166.099.000 đồng và nợ lãi 15.658.137 đồng). Nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn do làm ăn thất bại, nên ông H yêu cầu được trả dần tổng số tiền nợ gốc và lãi là 181.757.137 đồng, trả thành 03 đợt, trong thời gian 03 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc D là chủ hộ kinh doanh T có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2. Đến tháng 09/2018, ông Huỳnh Văn H ký bảng đối chiếu xác nhận công nợ với số tiền nợ còn lại là 166.099.000 đồng, nhưng ông H và bà M2 không thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận. Nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 trả số tiền nợ mua bán mua thức ăn và thuốc thủy sản là 166.099.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm, thời gian tính

lãi từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/6/2019 là 11 tháng 11 ngày, với số tiền lãi là 15.658.137 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 181.757.137 đồng.

[2] Tại phiên tòa, ông H thừa nhận ông và bà M2 có mua thức ăn và thuốc thủy sản của hộ kinh doanh T do bà Phan Thị Ngọc D đại diện và hiện nay còn nợ số tiền 166.099.000 đồng. Nay ông đồng ý cùng bà M2 trả cho bà Phan Thị Ngọc D số nợ 166.099.000 đồng và đồng ý trả phần lãi chậm thanh toán mà phía nguyên đơn yêu cầu 10%/năm, tính từ ngày 25/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 06/6/2019 là 11 tháng 11 ngày, với số tiền lãi là 15.658.137 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 181.757.137 đồng. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Bà Phan Thị Ngọc D đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2. Ông H và bà M2 đã nhận đủ tài sản do bà D chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông H, bà M2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà D theo thỏa thuận. Tính từ ngày 25/6/2018 đến nay, ông H và bà M2 còn nợ của bà D số tiền mua bán là 166.099.000 đồng. Như vậy, ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự và phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà Phan Thị Ngọc D yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 trả cho bà số tiền nợ gốc 166.099.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/6/2019 là 11 tháng 11 ngày là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 trả tiền lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm thời gian tính từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/6/2019 là phù hợp với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính phần tiền lãi như sau:

- Phần tiền nợ gốc 166.099.000 đồng, thời gian tính lãi kể từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/6/2019 là 11 tháng 11 ngày, được tính cụ thể: $166.099.000đ \times 0,83\% = 1.378.621/01$ tháng; $166.099.000đ \times 0,027\% = 493.306/01$ ngày. Như vậy $166.099.000đ \times 0,83\%/tháng \times 11$ tháng 11 ngày = 15.658.137đ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc D, buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc D – đại diện hộ kinh doanh T tổng số tiền 181.757.137 đ (trong đó bao gồm 166.099.000 đồng tiền gốc và 15.658.137 đồng tiền lãi) là phù hợp.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, bà Phan Thị Ngọc D được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng

dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 357, Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc D – Đại diện hộ kinh doanh T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 trả số tiền gốc 166.099.000 đồng và tiền lãi là 15.658.137 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 181.757.137 đồng.

[2] Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc D – Đại diện hộ kinh doanh T tổng số tiền 181.757.237 đồng (trong đó bao gồm 166.099.000 đồng tiền gốc và 15.658.137 đồng tiền lãi).

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Phan Thị Ngọc D – Đại diện hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 chậm trả số tiền nêu trên cho bà Phan Thị Ngọc D, thì ông H và bà M2 phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm với lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị M2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.087.856 đồng (chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Phan Thị Ngọc D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.393.000 đồng theo biên lai thu số 0005419 ngày 12/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ